

Số: 22/2022/QĐ-UBND

Nam Định, ngày 08 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định phân cấp quản lý, khai thác công trình thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 129/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Căn cứ Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi; Thông tư số 03/2022/TT-BNNPTNT ngày 16/6/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Căn cứ Thông tư số 05/2019/TT-BNNPTNT ngày 02/5/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chế độ, quy trình bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;

Căn cứ Nghị quyết số 44/2021/NQ-HĐND ngày 25/10/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định ban hành Quy định về phân cấp thẩm quyền phê duyệt Đề án cho thuê khai thác và xử lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Nam Định;

Theo đề nghị tại Tờ trình số 1796/TTr-SNN ngày 27/7/2022 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Báo cáo thẩm định số 926/BC-STP ngày 22/7/2022 của Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phân cấp quản lý, khai thác công trình thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 8 năm 2022 và thay thế Quyết định số 13/2010/QĐ-UBND ngày 21/7/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phân cấp công tác quản lý, khai thác, vận hành và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Nam Định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Chủ tịch các Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi thuộc tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Công báo tỉnh; Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VP1, VP6, VP3.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Anh Dũng

QUY ĐỊNH

Phân cấp quản lý, khai thác công trình thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định

(Kèm theo Quyết định số /2022/QĐ-UBND ngày /8/2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định việc phân cấp quản lý, khai thác các công trình, hệ thống công trình thủy lợi được đầu tư từ vốn nhà nước hoặc có nguồn gốc từ vốn nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến quản lý, khai thác công trình thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi là vị trí chuyển giao sản phẩm, dịch vụ thủy lợi giữa tổ chức, cá nhân cung cấp và tổ chức, cá nhân sử dụng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi.

2. Sau công đầu kênh là vị trí đến hết phần xây đúc về phía hạ lưu của công tính theo chiều nước chảy.

3. Trước công đầu kênh là vị trí đến hết phần xây đúc về phía thượng lưu của công tính theo chiều nước chảy.

Điều 3. Nguyên tắc phân cấp quản lý, khai thác

1. Mỗi hệ thống công trình thủy lợi hoặc công trình thủy lợi phải do một tổ chức quản lý, khai thác, bảo trì và bảo vệ theo quy định của pháp luật. Tùy theo quy mô, mức độ phức tạp về kỹ thuật và chính sách hỗ trợ kinh phí của nhà nước để phân cấp quản lý, khai thác đảm bảo an toàn, hiệu quả công trình và thuận lợi cho việc quản lý về kinh phí hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi.

2. Đảm bảo tính hệ thống, kết hợp quản lý theo lưu vực và địa giới hành chính. Tuân thủ theo quy trình vận hành chung trong hệ thống quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhằm phát huy tối đa năng lực phục vụ của công trình.

3. Quản lý, khai thác công trình thủy lợi phải có sự tham gia của người sử dụng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và các bên có liên quan.

4. Đảm bảo các yêu cầu phòng, chống suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm nguồn nước và các tác hại khác do nước gây ra.

5. Bảo đảm các quy định khác theo quy định của Luật Thủy lợi năm 2017.

Chương II **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Điều 4. Quy mô thủy lợi nội đồng

1. Quy mô thủy lợi nội đồng được xác định như sau:

a) Đối với hệ thống tưới là vị trí trước cống đầu kênh, mà cống này phục vụ diện tích tưới nhỏ hơn hoặc bằng 100ha.

b) Đối với hệ thống tiêu là vị trí sau cống đầu kênh, mà cống này phục vụ diện tích tiêu nhỏ hơn hoặc bằng 150ha.

c) Đối với hệ thống tưới, tiêu kết hợp là vị trí sau cống đầu kênh (xác định theo hướng tiêu), mà cống này phục vụ diện tích tiêu nhỏ hơn hoặc bằng 150ha.

d) Các cống đầu kênh có điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi mà có tính chất đặc thù như cống vượt cấp...; để thuận lợi cho việc quản lý, vận hành, tu bổ, sửa chữa cống đầu kênh này, vị trí điểm giao nhận là trước hay sau cống, Công ty khai thác công trình thủy lợi (KTCTTL), tổ chức thủy lợi cơ sở thỏa thuận thống nhất cho phù hợp.

2. Tổ chức cá nhân cung cấp sản phẩm, dịch vụ thủy lợi có trách nhiệm phối hợp với tổ chức, cá nhân sử dụng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi xác định cụ thể vị trí điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi.

Điều 5. Giao quản lý, khai thác công trình thủy lợi

1. Công ty KTCTTL thuộc tỉnh quản lý, khai thác các công trình từ công trình thủy lợi đầu mối (hoặc từ điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi với Công ty KTCTTL Bắc Nam Hà) đến điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi với tổ chức thủy lợi cơ sở.

2. Tổ chức thủy lợi cơ sở quản lý, khai thác các công trình từ điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi với Công ty KTCTTL thuộc tỉnh cho đến khu đất canh tác, một số công trình thủy lợi nhỏ lẻ nằm trên bồi bãi ven sông thuộc huyện Ý Yên, Xuân Trường, Giao Thủy, Nghĩa Hưng.

Điều 6. Phân cấp quản lý, phê duyệt quy trình vận hành, phương án bảo vệ công trình thủy lợi

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý công trình thủy lợi do Công ty KTCTTL thuộc tỉnh quản lý, khai thác.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp huyện) quản lý công trình thủy lợi do tổ chức thủy lợi cơ sở quản lý, khai thác.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt, công bố, công khai quy trình vận hành công trình thủy lợi đơn lẻ loại vừa, lớn trên địa bàn; phê duyệt phương án bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn.

Điều 7. Bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi do các Công ty KTCTTL thuộc tỉnh quản lý, khai thác

1. Thẩm quyền phê duyệt danh mục và kế hoạch bảo trì

Hàng năm, các Công ty KTCTTL lập kế hoạch, danh mục bảo trì và trình phê duyệt xong trước ngày 31 tháng 12 của năm trước năm kế hoạch. Trong quá trình thực hiện, nếu có sự thay đổi thì điều chỉnh, bổ sung kịp thời.

a) Bảo trì sửa chữa định kỳ: Thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng và pháp luật về đấu thầu.

b) Bảo trì sửa chữa thường xuyên, sửa chữa đột xuất: Công ty KTCTTL lập danh mục công trình sửa chữa thường xuyên, sửa chữa đột xuất (nếu có), có thống nhất, xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp huyện, trình Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt.

c) Bảo trì kiểm tra, quan trắc, kiểm định, bảo dưỡng: Các Công ty KTCTTL lập, phê duyệt.

2. Thẩm quyền thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ bảo trì

a) Bảo trì có giá trị dự toán từ 1,0 tỷ đồng trở lên: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định, phê duyệt đề cương, dự toán hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật.

b) Bảo trì có giá trị dự toán từ 500 triệu đồng đến dưới 1,0 tỷ đồng: Công ty KTCTTL phê duyệt đề cương, dự toán hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật sau khi có ý kiến thẩm định của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

c) Bảo trì có giá trị dự toán dưới 500 triệu đồng: Công ty KTCTTL thẩm định, phê duyệt đề cương, dự toán hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật.

Điều 8. Bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi do tổ chức thủy lợi cơ sở quản lý, khai thác

1. Bảo trì công trình thủy lợi nội đồng (hệ thống thủy lợi từ điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi đến khu đất canh tác) do tổ chức thủy lợi cơ sở tự quyết định và tổ chức thực hiện, đảm bảo phù hợp với khoản 4 Điều 12 Quy định này. Nếu có sử dụng nguồn vốn nhà nước thì thực hiện theo yêu cầu của người cấp vốn.

2. Bảo trì một số công trình thủy lợi nhỏ lẻ nằm trên bồi bãi ven sông thuộc địa bàn huyện Ý Yên, Xuân Trường, Giao Thủy, Nghĩa Hưng.

a) Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt danh mục và kế hoạch bảo trì.

b) Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt nhiệm vụ bảo trì; giao đơn vị chuyên môn trực thuộc thẩm định nhiệm vụ bảo trì.

Điều 9. Phối hợp trong bảo trì, xây dựng công trình thủy lợi

Việc bảo trì, xây dựng công trình khác có liên quan đến công trình thủy lợi phải được thống nhất bằng văn bản của chủ quản lý công trình thủy lợi; trường hợp cơ quan quản lý công trình khác và cơ quan quản lý công trình thủy lợi đều có kế hoạch bảo trì, xây dựng công trình, thì việc bảo trì, xây dựng công trình phải phối hợp với nhau đảm bảo trình tự, thủ tục theo đúng quy định của pháp luật về thủy lợi và pháp luật khác có liên quan.

Điều 10. Thẩm quyền cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi

1. Ủy ban nhân dân tỉnh cấp, cấp lại, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ, thu hồi giấy phép các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Công ty KTCTTL thuộc tỉnh quản lý, khai thác.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp, cấp lại, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ, thu hồi giấy phép các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi được phân cấp quản lý theo khoản 2 Điều 6 Quy định này.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Trách nhiệm của các Sở, ngành

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chủ trì hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các địa phương, đơn vị thực hiện Quy định này.

b) Định kỳ hàng năm, chủ trì tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan thanh tra, kiểm tra công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh.

d) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn đơn vị quản lý công trình thủy lợi có hoạt động khai thác nước thực hiện các quy định theo Luật Tài nguyên nước.

đ) Thực hiện các quyền, trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

2. Sở Tài chính

a) Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn quản lý, khai thác, bảo trì công trình thủy lợi và hạch toán quản lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác quản lý, khai thác công trình thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu bố trí vốn đầu tư công trung hạn và hàng năm để đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Thực hiện cấp giấy phép môi trường (theo ủy quyền) hoặc tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy phép môi trường, trường hợp dự án đầu tư, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp có hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi phải lấy ý kiến của đơn vị quản lý, khai thác công trình thủy lợi.

b) Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn việc khảo sát, đo đạc, phân loại và sử dụng đất trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi theo đúng quy định của pháp luật.

5. Sở Giao thông vận tải

Hướng dẫn việc thực hiện quy hoạch, quản lý, xây dựng, bảo trì công trình giao thông có liên quan đến công trình thủy lợi phù hợp theo quy định này.

6. Sở Xây dựng

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng, tổ chức thực hiện quy hoạch hệ thống cấp thoát nước đô thị, khu công nghiệp nằm trong hệ thống thủy lợi đảm bảo phù hợp với quy hoạch, quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi và đảm bảo chất lượng nước trong công trình thủy lợi.

Điều 12. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật về khai thác, bảo vệ công trình thủy lợi và Quy định này tại địa phương; phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

2. Chỉ đạo cơ quan chuyên môn hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã thống nhất điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi theo đề nghị của Công ty KTCTTL và tổ chức thủy lợi cơ sở.

3. Hướng dẫn tổ chức thủy lợi cơ sở lập hồ sơ quản lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi được giao quản lý, khai thác.

4. Chỉ đạo, hướng dẫn các tổ chức thủy lợi cơ sở vận hành công trình thủy lợi nội đồng đảm bảo an toàn, hiệu quả; bảo trì, xây dựng công trình thủy lợi nội đồng phù hợp với quy hoạch, đảm bảo yêu cầu phục vụ sản xuất, dân sinh.

5. Chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc Ủy ban nhân dân cấp xã, các tổ chức thủy lợi cơ sở trong việc quản lý, bảo vệ, phát huy hiệu quả tài sản được giao; thành lập, củng cố tổ chức thủy lợi cơ sở tại các địa phương theo quy định.

6. Đối với các huyện Ý Yên, Xuân Trường, Giao Thủy, Nghĩa Hưng có một số hệ thống công trình thủy lợi nhỏ lẻ nằm trên các bồi bãi ven sông giao tổ chức thủy lợi cơ sở quản lý theo khoản 2 Điều 5 Quy định này. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc sử dụng kinh phí hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

7. Lập báo cáo định kỳ hàng năm, đột xuất về công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi thuộc phạm vi được giao quản lý, khai thác gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

8. Thực hiện cấp giấy phép môi trường: Trường hợp dự án đầu tư, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp có hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi, phải lấy ý kiến của đơn vị quản lý, khai thác công trình thủy lợi.

9. Thực hiện quyền, trách nhiệm khác theo quy định của Luật Thủy lợi và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 13. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật về khai thác, bảo vệ công trình thủy lợi và Quy định này tại địa phương.

2. Phối hợp với các Công ty KTCTTL, tổ chức thủy lợi cơ sở thống nhất điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi theo đề nghị của Công ty KTCTTL và tổ chức thủy lợi cơ sở.

3. Thực hiện nhiệm vụ của tổ chức thủy lợi cơ sở trong trường hợp chưa thành lập được tổ chức thủy lợi cơ sở.

4. Thực hiện quyền, trách nhiệm khác theo quy định của Luật Thủy lợi và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 14. Trách nhiệm của các Công ty KTCTTL, tổ chức thủy lợi cơ sở

1. Thực hiện quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi được giao đảm bảo an toàn và phát huy hiệu quả.

2. Phối hợp với tổ chức, cá nhân sử dụng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi xác định cụ thể vị trí điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi. Trường hợp không thống nhất được vị trí điểm giao nhận thì đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã xác định vị trí điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi.

3. Các Công ty KTCTTL có trách nhiệm báo cáo định kỳ, đột xuất công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi theo yêu cầu của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính.

4. Thực hiện quyền, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi theo quy định của Luật Thủy lợi và pháp luật có liên quan.

Điều 15. Quy định chuyển tiếp

1. Những công trình thủy lợi các đơn vị đang quản lý, khai thác theo Quyết định số 13/2010/QĐ-UBND ngày 21/7/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phân cấp công tác quản lý, khai thác, vận hành và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh nếu không trái với Quy định này thì tiếp tục giao cho các đơn vị quản lý, khai thác, không phải bàn giao lại. Các đơn vị được giao quản lý, khai thác công trình phải hoàn chỉnh hồ sơ, lưu trữ đầy đủ về hệ thống công trình thủy lợi được giao quản lý theo quy định hiện hành.

2. Đối với các công trình do Công ty KTCTTL tiếp tục quản lý, khai thác theo quy định khoản 1 Điều này; Công ty KTCTTL lập danh mục có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các đơn vị lưu hồ sơ và gửi Sở Tài chính 01 bản chính.

3. Đối với các công trình do tổ chức thủy lợi cơ sở tiếp tục quản lý, khai thác thực hiện theo khoản 3 Điều 12 Quy định này.

Điều 16. Tổ chức thực hiện

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để hướng dẫn thực hiện hoặc báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết./.